

CHÍNH PHỦ
Số: 80/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 8 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về tiêu chuẩn môi trường; đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường; bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; quản lý chất thải nguy hại; công khai thông tin, dữ liệu về môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC 1

TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về chất thải theo lộ trình, khu vực, vùng, ngành

1. Hệ số khu vực, vùng, ngành là số được nhân thêm với giá trị cho phép của từng thông số ô nhiễm trong tiêu chuẩn quốc gia về chất thải để xác định giá trị bắt buộc áp dụng đối với từng khu vực, vùng, ngành cụ thể phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường.
2. Lộ trình áp dụng tiêu chuẩn quốc gia về chất thải được quy định phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường của từng thời kỳ theo hướng ngày càng chặt chẽ hơn và được quy định tại quyết định công bố bắt buộc áp dụng.
3. Việc xác định hệ số của tiêu chuẩn về chất thải căn cứ vào nguyên tắc sau:
 - a) Hệ số khu vực, vùng của tiêu chuẩn về chất thải được xác định theo hướng quy định chặt chẽ hơn đối với khu vực được khoanh vùng bảo tồn thiên nhiên, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm, đô thị, khu dân cư tập trung, khu vực môi trường đã bị ô nhiễm;
 - b) Hệ số ngành của tiêu chuẩn về chất thải được xác định căn cứ vào đặc thù về môi trường của ngành sản xuất cụ thể.

Điều 4. Trách nhiệm xây dựng và thẩm quyền ban hành, công bố bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia

1. Việc tổ chức xây dựng tiêu chuẩn môi trường quốc gia được quy định như sau:
 - a) Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xây dựng, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xác định các tiêu chuẩn môi trường quốc gia cần ban hành và phân công việc xây dựng tiêu chuẩn môi trường quốc gia;
 - b) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức xây dựng tiêu chuẩn môi trường quốc gia theo phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý và được phân công, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định và ban hành.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành và công bố việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia đối với từng khu vực, vùng, ngành.

Điều 5. Trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, công bố bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia

1. Tiêu chuẩn môi trường quốc gia được xây dựng theo các bước sau đây:

- a) Tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, các tiêu chuẩn của các nước có điều kiện tương đồng với Việt Nam;
- b) Đánh giá các yêu cầu cơ bản đối với tiêu chuẩn môi trường quốc gia và dự báo tác động của việc bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia đó;
- c) Xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các thông số và giá trị giới hạn của từng thông số của tiêu chuẩn môi trường quốc gia kèm theo các phương pháp chuẩn về đo đạc, lấy mẫu, phân tích để xác định thông số đó;
- d) Tổ chức soạn thảo tiêu chuẩn môi trường;
- đ) Tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan và hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn môi trường quốc gia;
- e) Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định về chuyên môn và ban hành.

2. Hồ sơ đề nghị thẩm định về chuyên môn dự thảo tiêu chuẩn môi trường quốc gia gồm có:

- a) Công văn đề nghị thẩm định tiêu chuẩn môi trường;
- b) Bản thuyết trình về sự cần thiết, mục tiêu, quá trình tổ chức xây dựng, các ý kiến còn khác nhau và ý kiến của cơ quan tổ chức xây dựng tiêu chuẩn môi trường;
- c) Dự thảo tiêu chuẩn môi trường.

3. Việc thẩm định về chuyên môn và ban hành tiêu chuẩn môi trường quốc gia được quy định như sau:

- a) Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định hợp lệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường thành lập Ban kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường quốc gia gồm các chuyên gia có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm liên quan đến tiêu chuẩn và đại diện có thẩm quyền của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan;

b) Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định, Ban kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường quốc gia có trách nhiệm thẩm định và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả thẩm định dự thảo tiêu chuẩn môi trường quốc gia.

Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định, Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định việc ban hành tiêu chuẩn môi trường quốc gia; trường hợp không đồng ý với kết quả thẩm định hoặc không chấp nhận ban hành tiêu chuẩn môi trường quốc gia thì yêu cầu Ban kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường quốc gia tiến hành thẩm định lại hoặc yêu cầu cơ quan tổ chức xây dựng tiêu chuẩn tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo tiêu chuẩn môi trường.

4. Việc công bố bắt buộc áp dụng tiêu chuẩn môi trường quốc gia được quy định như sau:

a) Trên cơ sở tiêu chuẩn môi trường quốc gia, Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định lộ trình áp dụng, hệ số đối với từng khu vực, vùng, ngành cụ thể theo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị định này và công bố bắt buộc áp dụng;

b) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tuân thủ tiêu chuẩn môi trường quốc gia kể từ ngày quyết định công bố bắt buộc áp dụng có hiệu lực.

5. Ban kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường quốc gia là tổ chức tư vấn kỹ thuật được thành lập và hoạt động khi có yêu cầu giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự thảo tiêu chuẩn môi trường quốc gia và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về hoạt động của Ban kỹ thuật tiêu chuẩn môi trường quốc gia.

MỤC 2

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và việc hướng dẫn chế độ tài chính đối với các hoạt động lập, thẩm định, giám sát báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chế độ tài chính đối với hoạt động lập, thẩm định, giám sát thực hiện báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản cam kết bảo vệ môi trường.

Điều 7. Dự án liên ngành, liên tỉnh thuộc trách nhiệm thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Danh mục dự án liên ngành, liên tỉnh thuộc trách nhiệm thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Điều 8. Điều kiện và phạm vi hoạt động của tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có cán bộ kỹ thuật, công nghệ và môi trường có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực dự án;

b) Có các phương tiện, máy móc, thiết bị bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng theo quy định về đo đạc, lấy mẫu về môi trường và các mẫu liên quan khác phù hợp với tính chất của dự án và địa điểm thực hiện dự án;

c) Có cơ sở vật chất - kỹ thuật, phòng thí nghiệm bảo đảm việc xử lý, phân tích các mẫu về môi trường và các mẫu khác liên quan đến dự án. Trong trường hợp không có phòng thí nghiệm đạt yêu cầu, tổ chức cung ứng dịch vụ tư vấn phải hợp đồng thuê phòng thí nghiệm khác đáp ứng yêu cầu đặt ra.

2. Mọi tổ chức trong nước, ngoài nước đã đăng ký hoạt động tại Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này được tiến hành cung ứng dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ các dự án thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng và dự án có liên quan đến bí mật nhà nước.